

Số: 15 /2019/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 64/TTr-STNMT ngày 14 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2019.

Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc quy định mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh sửa đổi Khoản 1, Điều 17 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của UBND tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách huyện, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (Báo cáo)
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội;
- Viện KSND, Tòa án ND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Cổng thông tin - Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP ĐBQH-HĐND-UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

**Cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2019/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Những nội dung không quy định tại quy định này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Các cụm từ được viết tắt trong quy định

1. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai, viết tắt là: *Nghị định số 43/2014/NĐ-CP*.
2. Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, viết tắt là: *Nghị định số 47/2014/NĐ-CP*.
3. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai, viết tắt là: *Nghị định số 01/2017/NĐ-CP*.

4. Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện, viết tắt là: *Nghị định số 14/2014/NĐ-CP*.

5. Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện, viết tắt là: *Quyết định số 64/2014/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ*.

6. Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, viết tắt là: *Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường*.

7. Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, viết tắt là: *Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường*.

8. Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định hạn mức giao đất, công nhận, tách thửa đối với đất ở; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước chưa sử dụng đưa vào sử dụng theo quy hoạch cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang, viết tắt là: *Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang*.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

Điều 4. Xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì được thực hiện như sau:

1. Người sử dụng đất có trách nhiệm kê khai các chi phí thực tế đã đầu tư vào đất.

2. Trên cơ sở nội dung kê khai, Hội đồng bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*)

nơi có đất thu hồi và các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh các khoản chi phí quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại tại thời điểm thu hồi đất theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc nông nghiệp thăm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 5. Quy định diện tích đất ở còn lại không đủ điều kiện để ở

1. Diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được xác định như sau:

a) Thừa đất sau thu hồi chỉ còn đất ở không đảm bảo đủ diện tích, kích thước tối thiểu theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang.

b) Thừa đất sau thu hồi còn cả diện tích đất ở và đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở, mà tổng diện tích còn lại không đảm bảo đủ diện tích, kích thước tối thiểu theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang.

2. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất không đủ điều kiện để ở sau thu hồi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng cho hộ liền kề (*để thực hiện ghép lô, ghép thửa*); trường hợp hộ gia đình, cá nhân có văn bản đề nghị thu hồi thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ phần diện tích còn lại không đủ điều kiện để ở được thực hiện đồng thời với phần diện tích phải thu hồi để thực hiện dự án.

Điều 6. Quy định về mức đất ở, nhà ở tái định cư trong trường hợp hộ gia đình bị thu hồi đất có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng chung sống hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất

1. Hộ gia đình thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quỹ đất ở, nhà ở tái định cư tại địa phương xem xét giao đất ở, nhà ở tái định cư, cho từng hộ gia đình. Diện tích đất ở, nhà ở giao cho một hộ gia đình, cá nhân bằng suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 24 của Quy định này.

2. Hộ gia đình được giao đất ở, nhà ở quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.



Điều 7. Bồi thường đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng khi nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng với đất bị thu hồi. Diện tích đất được bồi thường không vượt quá diện tích đất đã thu hồi, thời hạn được miễn tiền thuê đất bằng thời hạn thuê đất còn lại của đất đã thu hồi. Trường hợp nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền và được xác định theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 8. Việc phân chia tiền bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng

Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Trường hợp có văn bản thống nhất việc phân chia tiền bồi thường về đất, được các đối tượng đồng quyền sử dụng đất ký tên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận thì chi trả tiền bồi thường về đất theo văn bản đó.

2. Trường hợp không thống nhất được việc phân chia tiền bồi thường thì Hội đồng bồi thường gửi số tiền bồi thường về đất vào Kho bạc nhà nước và hướng dẫn những người đồng quyền sử dụng đất gửi đơn đến Tòa án giải quyết theo quy định. Căn cứ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng bồi thường chi trả cho những người đang đồng quyền sử dụng đất. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, những người đồng quyền sử dụng đất có trách nhiệm bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường.

Điều 9. Diện tích đất ở tái định cư đối với trường hợp giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất ở hoặc một phần diện tích thửa đất ở mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng

Căn cứ quy hoạch chi tiết được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện việc giao đất ở tái định cư theo lô quy hoạch cho hộ gia đình, cá nhân diện tích đất ở tái định cư không vượt quá hạn mức giao đất ở mới theo quy định tại Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Mục 2

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

Điều 10. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất

Việc bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 91, Luật Đất đai được thực hiện như sau:

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập dự toán chi phí di chuyển cho từng trường hợp cụ thể và gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng tại các huyện, thành phố thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 11. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất

1. Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Khoản 2 Điều 89 của Luật Đất đai thì được bồi thường theo quy định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức bồi thường} \\ \text{nà, công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị hiện có của nhà,} \\ \text{công trình bị thiệt hại} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phần trăm giá trị hiện} \\ \text{có của nhà, công trình đó} \end{array}$$

Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được xác định bằng 20% giá trị hiện có của nhà, công trình đó, nhưng mức bồi thường không vượt quá 100% giá trị xây dựng mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, xác định cấp tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp để bồi thường. Mức bồi thường đối với nhà, công trình quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được xác định cụ thể theo thực tế hiện trạng nhà, công trình nhưng không vượt quá giá trị xây dựng mới nhà, công trình đó.

Điều 12. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

Mức bồi thường bằng 100% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo đơn giá xây dựng cơ bản do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất

(trừ trường hợp xây dựng, coi như trái phép, xây dựng trên khuôn viên đất lưu không của ngôi nhà đó).

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước có trách nhiệm kê khai các hạng mục đã cải tạo, sửa chữa. Trên cơ sở đó Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với UBND cấp xã lập biên bản kiểm tra, xác minh các hạng mục đã cải tạo, sửa chữa và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định để làm cơ sở tính toán bồi thường.

Điều 13. Bồi thường về di chuyển mồ mã

1. Chi phí đào, bốc, xây dựng mới và các chi phí khác có liên quan trực tiếp thì được bồi thường bằng 100% theo đơn giá bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất.

2. Bồi thường di chuyển mồ mã như sau:

a) Di chuyển trong tỉnh: 3.000.000 đồng/ngôi mộ;

b) Di chuyển ngoài tỉnh: 4.000.000 đồng/ngôi mộ.

Điều 14. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản

Đối với thủy sản (*thủy sản chưa đến kỳ thu hoạch*) tại thời điểm thu hồi đất có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra. Mức bồi thường cụ thể do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện xác định cho phù hợp thực tế của từng dự án theo đơn giá bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất.

Không bồi thường đối với thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch tạo lập sau khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án lập biên bản kiểm kê, xác định khối lượng để lập phương án bồi thường.

Điều 15. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

1. Bồi thường, hỗ trợ đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không quy định tại Điều 19 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP gồm: Đất ở, các loại đất còn lại trong cùng thửa đất có nhà ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi xây dựng mới có điện áp đến 220 KV không thuộc diện Nhà nước thu hồi nhưng có đủ điều kiện được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đất đai thì được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

a) Đối với đất ở và các loại đất còn lại trong cùng thửa đất có nhà ở thì được bồi thường, hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang;

b) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 và Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai thì được hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường thu hồi của loại đất có cùng mục đích sử dụng, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang;

2. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không quy định tại Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP: Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi xây dựng mới có điện áp đến 220 KV mà không phải di dời, thì được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng đến sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

a) Trường hợp nhà ở, công trình xây dựng trên đất có đủ điều kiện bồi thường về đất trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được bồi thường bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp;

b) Trường hợp nhà, công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất nhưng thực tế đã xây dựng trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận việc sử dụng đất không do lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; tại thời điểm xây dựng không có văn bản ngăn chặn, xử lý của cơ quan có thẩm quyền thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp.

3. Bồi thường đối với cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không quy định tại Điều 23 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP:

a) Cây trồng có trước khi thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp và nằm trong hành lang an toàn lưới điện, phải chặt bỏ và cấy trồng mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì được bồi



thường bằng 100% đơn giá bồi thường đối với cây trồng cùng loại theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp.

b) Cây trồng có trước khi thông báo thực hiện dự án và nằm trong hành lang an bảo vệ an toàn lưới điện, không phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt, tía cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không. Mức bồi thường thiệt hại do chặt, tía cây tính bằng 30% đơn giá bồi thường đối với cây trồng cùng loại theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp và được thực hiện một lần đối với một cây.

4. Bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng khi xây dựng các công trình có hành lang bảo vệ an toàn khác: Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trạng (*có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất*), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể đối với từng công trình, dự án.

Mục 3

HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 16. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Khi nhà nước thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ; mức hỗ trợ bằng giá đất của loại đất thu hồi trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi; tiền hỗ trợ nộp vào Ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã theo đúng quy định.

Điều 17. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất

Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

1. Thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 01 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 02 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 03 tháng.

2. Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

3. Trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

4. Diện tích đất thu hồi quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

5. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, khi xét hỗ trợ phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống và sản xuất. Mức hỗ trợ được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ thường/01 nhân khẩu/01 tháng theo giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất. Đơn giá hỗ trợ gạo là đơn giá loại gạo tẻ thường theo báo cáo giá cả thị trường hàng tháng của Sở Tài chính tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

6. Tiền hỗ trợ ổn định đời sống được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 18. Hỗ trợ ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, mức hỗ trợ là: 7.000.000 đồng/hộ;

2. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký kinh doanh mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc được cơ quan Thuế chấp thuận.

Trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan Thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan Thuế.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

- Đối tượng được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc là người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn từ một năm đến ba năm;

- Mức trợ cấp ngừng việc trong một (01) tháng được tính bằng 60% mức lương tối thiểu vùng nhân (x) với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang được hưởng theo quy định hiện hành của nhà nước và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng;

- Thời gian trợ cấp ngừng việc là 06 tháng và được chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền 1 lần, mức hỗ trợ như sau:

- Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi;

- Đối với đất rừng sản xuất: Mức hỗ trợ bằng 40% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi; Diện tích hỗ trợ không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013.

Diện tích được hỗ trợ (nêu trên) không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013.

5. Tiền hỗ trợ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 19. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại Khoản 6, Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mức hỗ trợ bằng tiền tính theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất

nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai năm 2013, cụ thể như sau:

1. Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá đất cùng loại.

2. Đối với đất rừng sản xuất: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất cùng loại.

Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở

1. Trường hợp có đăng ký kinh doanh, có thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 06 tháng lương cơ sở theo quy định của Chính phủ đối với mỗi điểm kinh doanh tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

2. Trường hợp kinh doanh nhưng không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thì được hỗ trợ đào tạo chuyển nghề và tìm kiếm việc làm bằng 50% mức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở

Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà tự lo chỗ ở (*không nhận đất ở tại khu tái định cư*) thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư, mức hỗ trợ bằng 50.000.000 đồng/hộ.

Điều 22. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu nhà nước

Việc hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản cho hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì mức hỗ trợ tính theo số nhân khẩu hiện có của hộ gia đình tại thời điểm thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Di chuyển trong tỉnh: 1.000.000 đồng/01 khẩu.

2. Di chuyển ra ngoài tỉnh: 1.500.000 đồng/01 khẩu.

Điều 23. Các khoản hỗ trợ khác

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của từng dự án. Trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Hỗ trợ thuê nhà cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn

nơi có đất thu hồi được hỗ trợ tiền thuê nhà ở, thời gian 06 tháng, được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ như sau:

- a) Các phường thuộc thành phố Hà Giang: 2.000.000 đồng/hộ/tháng;
- b) Trung tâm các huyện lỵ và thị trấn: 1.500.000 đồng/hộ/tháng;
- c) Các khu vực còn lại: 1.000.000 đồng/hộ/tháng.

3. Hỗ trợ thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh, trụ sở làm việc đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (có đăng ký kinh doanh và đang hoạt động), mức hỗ trợ là 50.000 đồng/m²/tháng tính theo mét vuông (m²) xây dựng nhà làm việc hoặc xưởng sản xuất bị phá dỡ, thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

4. Hỗ trợ gia đình chính sách, gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ như sau:

a) Hộ gia đình có người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động; bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; gia đình liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng, phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ;

b) Hộ gia đình có người là thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương, bệnh binh mất sức từ 21% đến 80%; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%; gia đình có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ;

c) Hộ gia đình có người thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội khác của nhà nước phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ;

d) Trong hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách xã hội thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

5. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận tại thời điểm thu hồi đất, thì được hỗ trợ bằng tiền một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, mức hỗ trợ là 200.000 đồng/một nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ cụ thể như sau:

- a) Trường hợp phải di chuyển chỗ ở thì thời gian hỗ trợ là 48 tháng;
- b) Trường hợp không phải di chuyển chỗ ở, diện tích thu hồi dưới 30% thì thời gian hỗ trợ 6 tháng;
- c) Trường hợp không phải di chuyển chỗ ở, diện tích thu hồi từ 30% đến dưới 50% thì thời gian hỗ trợ 12 tháng;
- d) Trường hợp không phải di chuyển chỗ ở, diện tích thu hồi từ 50% đến 70% thì thời gian hỗ trợ 24 tháng;
- đ) Trường hợp không phải di chuyển chỗ ở, diện tích thu hồi từ trên 70% thì thời gian hỗ trợ 36 tháng.

6. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sử dụng đất bàn giao mặt bằng trước hạn 05 ngày theo thời gian bàn giao mặt bằng quy định trong Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ bàn giao mặt bằng trước thời hạn một (01) lần tại thời điểm bàn giao đất như sau:

- a) Đất ở, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, mức hỗ trợ là 2.000 đồng/m² nhân với diện tích thực tế thu hồi;
- b) Đất rừng sản xuất, mức hỗ trợ là 1.000 đồng/m² nhân với diện tích thực tế thu hồi.

7. Hộ gia đình, cá nhân phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ một (01) lần tại thời điểm tháo dỡ, di chuyển như sau:

- a) Nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/hộ;
- b) Nhà xây mái bằng, kiên cố, mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/hộ.
- c) Trường hợp phải phá dỡ một phần nhà, công trình mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái là: 2.500.000 đồng/hộ; nhà xây mái bằng, kiên cố là: 3.500.000 đồng/hộ.

Điều 24. Suất tái định cư tối thiểu

1. Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở:

- a) Đất ở tại các phường, thị trấn diện tích tối thiểu là 100 m²;
- b) Đất ở tại các xã diện tích tối thiểu là 200 m².

Trường hợp có điều kiện về quỹ đất thì có thể giao mức cao hơn, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định tại Quyết định 14/2014/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở: Diện tích xây dựng nhà tối thiểu là 36m² cho một hộ gia đình có 04 nhân khẩu, nếu hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu

trở lên thì cứ mỗi nhân khẩu được cộng thêm 9 (chín) m² xây dựng nhà cho mỗi nhân khẩu.

3. Suất tái định cư tối thiểu tính bằng tiền được xác định bằng giá đất tại vị trí giao đất tái định cư nhân (x) với diện tích đất tại khoản 1 Điều này, tại thời điểm tính tiền bồi thường.

Mục 4

QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ ĐẶC THÙ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2014/QĐ-TTG NGÀY 18 THÁNG 11 NĂM 2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 25. Hỗ trợ tự nguyện vận chuyển, không làm đường tạm

Trường hợp các hộ tái định cư tại nơi phải di chuyển có đủ điều kiện tự di chuyển, tự nguyện vận chuyển người, tài sản được hỗ trợ một (01) lần tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ bằng tiền 6.000.000 đồng/hộ.

Điều 26. Hỗ trợ sản xuất

1. Đối với hộ tái định cư được giao đất sản xuất nông nghiệp là đất xấu phải cải tạo (*đất không có kết cấu thích hợp, độ ẩm không cao, nghèo chất dinh dưỡng và có hoạt động sinh học thấp*) và đất khai hoang thì được hỗ trợ 03 năm kinh phí khuyến nông, với tổng mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ/năm.

2. Đối với hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất để xây dựng khu, điểm tái định cư được hỗ trợ một lần theo diện tích đất sản xuất bị thu hồi, mức hỗ trợ bằng 2.000 đồng/m² đất thu hồi.

Điều 27. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện

Hộ gia đình, cá nhân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện được hỗ trợ như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện được hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, mức hỗ trợ hai lần tiền mua giống gia cầm và thủy sản hoặc một lần tiền mua giống gia súc, tổng mức hỗ trợ là 7.000.000 đồng/hộ.

2. Các hộ được giao đất trồng rừng sản xuất được hỗ trợ một lần bằng 8.000.000 đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Quy định chuyển tiếp

Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đang thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quy định này.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn